

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 22 – 6 – 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Em.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Công Điện.
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST – HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số 321, khu vực B, phường O, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Văn C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp M, xã R, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cả hai không còn quan tâm, yêu thương, chia sẻ nhau trong cuộc sống, vợ

chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh C đã không còn sống chung đã năm năm. Chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh C nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Hồ Trần Duy K (giới tính: Nam), sinh ngày 08/5/2007 và Hồ Trần Duy D, (giới tính: Nam), sinh ngày 30/10/2013. Hiện con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án:* bị đơn anh Hồ Văn C đều vắng mặt nên chưa thể hiện ý kiến.

*Tại phiên tòa,* chị T và anh C đều vắng mặt.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh C. Về con chung: giao hai con chung tên Hồ Trần Duy K (giới tính: Nam), sinh ngày 08/5/2007 và Hồ Trần Duy D, (giới tính: Nam), sinh ngày 30/10/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C chưa phải cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom con chung cho anh C. Về án phí: chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* bị đơn trong vụ án là anh Hồ Văn C có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* chị Trần Thị Hồng T là nguyên đơn trong vụ án, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Hồ Văn C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Hồng T và anh Hồ Văn C tiến đến hôn nhân vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn. Chị T yêu cầu ly hôn, anh C chưa thể

hiện ý kiến. Toà xét thấy: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, khi có mâu thuẫn anh chị không giải quyết được dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Thực tế, anh chị không còn chung sống với nhau một thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và anh chị cũng không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh C bỏ mặc không đến Tòa, điều đó chứng tỏ tình cảm của anh C đối với chị T cũng không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh C.

[5] *Về con chung*: Chị T và anh C có 02 con chung tên Hồ Trần Duy K (giới tính: Nam), sinh ngày 08/5/2007 và Hồ Trần Duy D, (giới tính: Nam), sinh ngày 30/10/2013. Chị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung, anh C chưa thể hiện ý kiến. Tòa xét thấy: cháu K, cháu D hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu K, cháu D đã trên 07 tuổi, các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn, mặt khác để tránh xáo trộn cuộc sống hiện tại của các cháu, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu K, cháu D cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Tuy nhiên do có chưa yêu cầu, nên Tòa chưa xem xét trong cùng vụ án này.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đối với phát biểu quan điểm về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ. Hội đồng xét xử thông nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng T được ly hôn với anh Hồ Văn C.

2. Về con chung: giao 02 con chưa thành niên tên Hồ Trần Duy K (giới tính: Nam), sinh ngày 08/5/2007 và Hồ Trần Duy D, (giới tính: Nam), sinh ngày 30/10/2013 cho chị Trần Thị Hồng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hồ Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc chị Trần Thị Hồng T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007709 ngày 18/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã R, P, HG.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Em**